

Bản án số: 11/2024/DS-ST.

Ngày: 26/4/2024.

“V/v: *Tranh chấp
hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Nhi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Tố Uyên - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Thủy - Kiểm sát viên (KSV).

Ngày 26/4/2024, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLST-DS ngày 17/01/2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-DS ngày 20/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 09/4/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng C.

Địa chỉ: Tòa nhà C, bán đảo L, quận H, TP ..

Đại diện theo ủy quyền là bà **Đinh Thị Thu H**, chức vụ: Giám đốc **Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C**, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: **Số B Q**, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- **Bị đơn:** Chị **Đinh Vũ H1**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: **Làng B**, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh **Đặng Chí T**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: **Làng B**, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bà **H1** vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bà **H1** (bị đơn) và anh **T** lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2024 được bổ sung tại Bản tự khai ngày 19/01/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà **Đinh Thị Thu H trình bày:**

Ngày 29/12/2020, bà **Đinh Vũ H1** đã vay từ nguồn vốn tín dụng ưu đãi của **Ngân hàng C** (sau đây gọi tắt là **Ngân hàng**) thông qua **Phòng giao dịch huyện C**,

tỉnh Gia Lai với số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 7084654983, mục đích sử dụng tiền vay: Trồng mía; thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày 29/12/2020; lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp. Bà **H1** phải trả nợ 12 tháng/lần, trả lãi đối với khoản vay theo phương thức hàng tháng vào ngày 09.

Theo thỏa thuận với Ngân hàng tại thời điểm vay thì bà **H1** là người vay, ông **Đặng Chí T** – chồng bà **H1** là người thừa kế món vay. Cho đến thời điểm khởi kiện, bà **H1** – ông **T** không chấp hành việc trả nợ gốc đến hạn phân kỳ và hơn 34 tháng không nộp lãi cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở bà **H1** – ông **T** trả nợ gốc và lãi theo kỳ hạn đã cam kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà **H1** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **T** phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến hết ngày 09/01/2024 là 37.810.027 đồng (*Ba mươi bảy triệu, tám trăm mười nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng*), gồm số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tạm tính là 7.810.027 đồng.

Tại Bảng kê tính lãi bổ sung, Ngân hàng bổ sung yêu cầu bà **H1** và ông **T** phải trả thêm số tiền nợ lãi trong hạn phát sinh từ ngày 10/01/2024 đến ngày 26/4/2024 (*ngày xét xử sơ thẩm vụ án*) là 791.507 đồng. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu bà **H1** – ông **T** phải trả nợ tổng cộng là 38.601.534 đồng, gồm: Nợ gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi là 8.601.534 đồng (*tính đến ngày 26/4/2024*) cũng như trả số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 27/4/2024 cho đến khi ông, bà thanh toán xong khoản nợ.

Đối với bị đơn bà **Đinh Vũ H1 và ông **Đặng Chí T**:** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập bà **H1** – ông **T** đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tổ chức nhưng ông, bà luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **H1**, ông **T** theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

- 01 Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của **Ngân hàng C** (bản sao);
- 01 Sổ vay vốn đứng tên người vay **Đinh Vũ H1** (bản sao);
- 01 Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ đối với khách hàng **Đinh Vũ H1** (bản sao);
- 01 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đứng tên người vay **Đinh Vũ H1** (bản sao).
- 01 Giấy ủy quyền đề ngày 22/12/2020 giữa bên ủy quyền là ông **Đặng Chí T** và bên được ủy quyền là bà **Đinh Vũ H1** (bản sao).
- 02 Bảng kê tính lãi (bản chính).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 179, 180, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015; các Điều 117, 118, 119, 280, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng C**. Buộc bị đơn bà **Đinh Vũ H1** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Đặng Chí T** phải trả cho Ngân hàng thông qua **Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C**, tỉnh Gia Lai số tiền là 38.601.534 đồng, gồm: Nợ gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi là 8.601.534 đồng (tính đến ngày 26/4/2024) cũng như trả số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 27/4/2024 cho đến khi ông, bà thanh toán xong khoản nợ.

Buộc bà **H1** và ông **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu người vay là bà **Đinh Vũ H1** và người thừa kế khoản vay là ông **Đặng Chí T** cùng có địa chỉ tại **làng B, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai** phải trả số tiền còn nợ theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 7084654983 đã ký kết. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt hợp lệ (niêm yết) các văn bản tố tụng để triệu tập bà **H1** – ông **T** đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng ông, bà đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là bà **Đinh Thị Thu H** vắng mặt nhưng bà **H** có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là Sổ vay vốn có mã khách hàng 7084654983; Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 22/12/2020 và Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ đối với khách hàng **Đinh Vũ H1** đã thể hiện vào ngày 29/12/2020 bà **H1** có vay vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng thông qua **Phòng**

giao dịch huyện C, tỉnh Gia Lai với số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Trồng mía; thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày 29/12/2020; lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp. Bà H1 – ông T phải trả nợ 12 tháng/lần, trả lãi đối với khoản vay theo phương thức hàng tháng vào ngày 09. Tất cả các điều kiện trên của bên cho vay (Ngân hàng) đối với bên vay (bà H1) đã được bà H1 ký xác nhận, chồng bà H1 là ông T cũng ký nhận thừa kế món vay.

Tuy nhiên, kể từ khi vay vốn cho đến nay, bà H1 – ông T sử dụng vốn vay không hiệu quả, không trả được nợ gốc theo phân kì và lãi hàng tháng cho Ngân hàng theo đúng cam kết nên ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ buộc Ngân hàng phải khởi kiện. Tính đến thời điểm ngày 26/4/2024 (*thời điểm xét xử sơ thẩm*), bà H1, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 8.601.534 đồng. Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện bà H1, ông T để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H1 – ông T không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú, luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bà H1 – ông T đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà H1 và ông T phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 38.601.534 đồng, gồm: Nợ gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi là 8.601.534 đồng (*tính đến ngày 26/4/2024*) và số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 27/4/2024 cho đến khi ông, bà thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST): Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật là $38.601.534 \text{ đồng} \times 5\% = 1.930.076 \text{ đồng}$.

Ngân hàng khởi kiện vụ án cho vay đối với đối tượng chính sách nên không phải nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, Tòa án không thu tạm ứng án phí đối với Ngân hàng.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 179; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng C**, buộc bị đơn bà **Đinh Vũ H1** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Đặng Chí T** phải trả cho Ngân hàng thông qua **Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C**, tỉnh Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ Sổ vay vốn có mã khách hàng 7084654983 là 38.601.534 đồng, gồm: Nợ gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi là 8.601.534 đồng (tính đến ngày 26/4/2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí DSST: Buộc bị đơn bà **Đinh Vũ H1** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Đặng Chí T** phải chịu 1.930.076 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự (THADS), người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án (THA), quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của LTHADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Phương

